

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả
“Tuần sinh hoạt công dân học sinh sinh viên năm học 2021 - 2022”

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

Căn cứ Quyết định số 4361/QĐ-BCT ngày 16/05/2014 của Bộ Công Thương quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Căn cứ Công văn số 3810/BGDĐT-GDCTHSSV ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân - HSSV” trong các trường ĐH, CĐSP năm học 2021 - 2022;

Căn cứ Quyết định số 361/QĐ-ĐHCNQ ngày 06 tháng 8 năm 2021 về quy định công tác sinh viên của Trường Đại học công nghiệp Quảng Ninh;

Căn cứ Kế hoạch số 227/KH – ĐHCNQ ngày 20 tháng 9 năm 2021 của trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh tổ chức "Tuần sinh hoạt công dân – học sinh sinh viên" năm học 2021 – 2022;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác Học sinh sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả học tập “Tuần sinh hoạt công dân học sinh sinh viên năm học 2021 – 2022” cho 468 sinh viên các lớp đại học chính quy khóa 11, khóa 12, khóa 13 và Liên thông đại học chính quy khóa 13 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Trưởng các đơn vị: Đào tạo, CTHSSV, TTr&KĐCL, Cơ khí – Động lực, Công nghệ thông tin, Điện, Kinh tế, Mỏ và Công trình, lớp, cổ vấn học tập, các sinh viên có tên ở Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành. /.

Nơi nhận:

- Giám hiệu;
- Như điều 2;
- Lưu VT, CTHSSV.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Bùi Thanh Nhu

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TUẦN SINH HOẠT CÔNG DÂN HỌC SINH SINH VIÊN NĂM HỌC 2021 - 2022

(Kèm theo Quyết định số: 67/QĐ - ĐHCNQN ngày 08/12/2021)

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp CN	Điểm BTH	Điểm CC	Tổng điểm	Kết quả
1	Đỗ Duy Khánh	CQ11DH0118	TĐH Thiết kế cơ khí K11	180	250	430	Không Đạt
2	Trần Văn Nam	CQ11DH0041	TĐH Thiết kế cơ khí K11	750	250	1000	Đạt
3	Vũ Xuân Bang	CQ11DH0042	TĐH Thiết kế cơ khí K11	750	250	1000	Đạt
4	Nguyễn Trọng Linh	CQ11DH0124	TĐH Thiết kế cơ khí K11	750	250	1000	Đạt
5	Nguyễn Văn Đức	CQ11DH0125	TĐH Thiết kế cơ khí K11	375	250	625	Đạt
6	Nguyễn Đình Đông	CQ11DH0113	TĐH Thiết kế cơ khí K11	750	250	1000	Đạt
7	Nguyễn Ngọc Long	CQ11DH0040	Ô tô K11	615	250	865	Đạt
8	Phan Xuân Hoàng	CQ11DH0101	Ô tô K11	465	250	715	Đạt
9	Nguyễn Mạnh Tiến	CQ11DH0088	Ô tô K11	405	150	555	Đạt
10	Lý Thái Sơn	CQ11DH0038	Ô tô K11	615	250	865	Đạt
11	Singthor Tongporiyavathor	LA11DH0020	KT Tuyển khoáng K11	750	250	1000	Đạt
12	Đỗ Minh Tuấn	CQ11DH0029	KT Tuyển khoáng K11	375	250	625	Đạt
13	Trần Công Đức	CQ12DH0013	Ô tô K12	720	250	970	Đạt
14	Phạm Hoàng Kiên	CQ12DH0007	Ô tô K12	495	250	745	Đạt
15	Đặng Tiến Đạt	CQ12DH0017	Ô tô K12	570	250	820	Đạt
16	Trần Mạnh Thái	CQ12DH0014	Ô tô K12	750	250	1000	Đạt
17	Bế Minh Vương	CQ12DH0011	Ô tô K12	750	250	1000	Đạt
18	Hoàng Sỹ Nguyên	CQ12DH0047	Ô tô K12	735	200	935	Đạt
19	Anousith Thammalath	LA12DH0001	Ô tô K12	750	250	1000	Đạt
20	Nguyễn Văn Tiến	CQ12DH0008	Ô tô K12	750	250	1000	Đạt
21	Lý Thành Đạt	CQ12DH0012	Ô tô K12	720	250	970	Đạt
22	Nguyễn Tiến Đạt	CQ12DH0091	KT Tuyển khoáng K 12	750	250	1000	Đạt
23	Dương Thị Hồng Ngọc	CQ12DH0089	KT Tuyển khoáng K 12	735	250	985	Đạt
24	Vũ Ngọc Huyền	CQ12DH0090	KT Tuyển khoáng K 12	735	250	985	Đạt
25	Đồng Minh Quang	CQ12DH0088	KT Tuyển khoáng K 12	720	250	970	Đạt
26	Khamsy Lorxayxang	LA13DH0020	Ô tô K13	750	250	1000	Đạt
27	Ongphet Yotbounmy	LA13DH0017	Ô tô K13	585	250	835	Đạt
28	Vũ Thành Công	CQ13DH0085	Ô tô K13	525	250	775	Đạt
29	Tạ Văn Phái	CQ13DH0453	Ô tô K13	480	250	730	Đạt
30	Phạm Văn Phú	CQ13DH0377	Ô tô K13	660	250	910	Đạt
31	Dương Thanh Huy	CQ13DH0256	Cơ điện Tuyển khoáng K13	750	250	1000	Đạt
32	Đoàn Hoa Vinh	CQ11DH0032	CN Phần mềm K11	750	250	1000	Đạt
33	Phạm Văn Dương	CQ11DH0033	CN Phần mềm K11	750	250	1000	Đạt
34	Lã Hùng Hiếu	CQ11DH0035	CN Phần mềm K11	750	250	1000	Đạt
35	Lê Kim Ngân	CQ11DH0115	CN Phần mềm K11	750	250	1000	Đạt
36	Ngô Việt Hải	CQ1QDH0034	CN Phần mềm K11	750	250	1000	Đạt
37	Trần Công Nghĩa	CQ11DH0036	CN Phần mềm K11	750	250	1000	Đạt
38	Phetsithone Phainakhone	LA11DH0013	CN Phần mềm K11	750	250	1000	Đạt
39	Cao Tiến Đạt	CQ12DH0058	CN Phần mềm K12	705	250	955	Đạt
40	Phạm Văn Hiệp	CQ12DH0098	CN Phần mềm K12	750	250	1000	Đạt
41	Hoàng Tiêu Phong	CQ12DH0093	CN Phần mềm K12	735	250	985	Đạt
42	Nguyễn Như Huy Hoàng	CQ12DH0125	CN Phần mềm K12	750	250	1000	Đạt
43	Nguyễn Thành Luận	CQ12DH0145	CN Phần mềm K12	750	250	1000	Đạt
44	Vũ Duy phong	CQ12DH0119	CN Phần mềm K12	735	250	985	Đạt
45	Xamthong Meavankham	LA12DH0030	CN Phần mềm K12	675	250	925	Đạt
46	Vilavanh Somsouly	LA12DH0012	CN Phần mềm K12	750	250	1000	Đạt
47	Đinh Công Duy	CQ12DH0096	CN Phần mềm K12	735	200	935	Đạt
48	Đỗ Văn Tài	CQ12DH0142	Mạng máy tính K12	750	250	1000	Đạt
49	Trần Huy Bằng	CQ12DH0092	Mạng máy tính K12	735	100	835	Đạt

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp CN	Điểm BTH	Điểm CC	Tổng điểm	Kết quả
50	Đinh Hoàng Hưng	CQ12DH0097	Mạng máy tính K12	750	200	950	Đạt
51	Đoàn Văn Khuê	CQ12DH0094	Mạng máy tính K12	480	250	730	Đạt
52	Vũ Minh Thắng	CQ12DH0095	Mạng máy tính K12	735	250	985	Đạt
53	Vanxay Vangchuemoua	LA13DH0014	CN Phần mềm K13	735	250	985	Đạt
54	Lê Tiến Đạt	CQ13DH0088	CN Phần mềm K13	465	250	715	Đạt
55	Bang Phonevilay	LA13DH0015	CN Phần mềm K13	270	250	520	Đạt
56	Hoàng Văn Chinh	CQ13DH0364	CN Phần mềm K13	555	250	805	Đạt
57	Vũ Văn Trung	CQ13DH0084	CN Phần mềm K13	750	250	1000	Đạt
58	Chu Tiến Đoàn	CQ13DH0429	CN Phần mềm K13	540	250	790	Đạt
59	Vũ Đức Thắng	CQ13DH0091	CN Phần mềm K13	750	250	1000	Đạt
60	Trương Thành Lộc	CQ13DH0072	CN Phần mềm K13	750	250	1000	Đạt
61	Bùi Huy Việt	CQ13DH0323	CN Phần mềm K13	540	250	790	Đạt
62	Đinh Quang Tuấn	CQ13DH0370	CN Phần mềm K13	735	250	985	Đạt
63	Phetbonsy Sy	LA11DH0019	KTM Hầm lò K11	750	250	1000	Đạt
64	Lê Văn Quý	CQ11DH0082	KTM Hầm lò K11	735	250	985	Đạt
65	Đinh Đăng Sơn Thành	CQ08DH0416	KTM Hầm lò K11	735	250	985	Đạt
66	Nguyễn Bá Thức	CQ11DH0081	KTM Hầm lò K11	735	250	985	Đạt
67	Phetjanthasing Anou	LA11DH0018	KTM Hầm lò K11	750	250	1000	Đạt
68	Lê Quang Đức	CQ11DH0083	TĐ Công trình K11	360	250	610	Đạt
69	Tholy Sybounseng	LA12DH0028	CTXD Hầm và Cầu K12	690	250	940	Đạt
70	Saksada Xaibounheuang	LA12DH0027	CTXD Hầm và Cầu K12	705	250	955	Đạt
71	Sitthisay Thongsamai	LA12DH0026	CTXD Hầm và Cầu K12	735	250	985	Đạt
72	Nguyễn Tiến Đạt	CQ12DH0087	KTM Hầm lò K12	735	250	985	Đạt
73	Trịnh Đức Huy	CQ12DH0110	TĐ Công trình K12	720	250	970	Đạt
74	Aewsy Ainmethai	LA12DH0024	TĐ Công trình K12	750	250	1000	Đạt
75	Souk Khammeexay	LA12DH0025	TĐ Công trình K12	750	250	1000	Đạt
76	Phạm Thanh Tùng	CQ13DH0187	KTMHầm lò K13	90	250	340	Không Đạt
77	Nguyễn Việt Anh	CQ13DH0452	KTMHầm lò K13	750	250	1000	Đạt
78	Keng Thor	LA13DH0024	KTMHầm lò K13	750	250	1000	Đạt
79	Lê Bảo Khang	CQ13DH0226	Tự động hoá K13	645	250	895	Đạt
80	Nguyễn Minh Anh	CQ13DH0208	Tự động hoá K13	750	250	1000	Đạt
81	Lê Việt Hoàng	CQ13DH0189	Tự động hoá K13	735	250	985	Đạt
82	Phạm Tuấn Anh	CQ13DH0196	Tự động hoá K13	750	250	1000	Đạt
83	Nguyễn Văn Hoà	CQ13DH0402	Tự động hoá K13	735	250	985	Đạt
84	Hà Quốc Toàn	CQ13DH0221	Tự động hoá K13	720	250	970	Đạt
85	Đoàn Tuấn Anh	CQ13DH0199	Tự động hoá K13	720	250	970	Đạt
86	Phạm Quốc Toàn	CQ13DH0193	Tự động hoá K13	750	250	1000	Đạt
87	Phạm Xuân Trường	CQ13DH0446	Tự động hoá K13	750	250	1000	Đạt
88	Bùi Văn Hoàn	CQ13DH0301	Tự động hoá K13	750	250	1000	Đạt
89	Trần Ngọc Diệp	CQ13DH0418	Tự động hoá K13	735	250	985	Đạt
90	Nguyễn Tiến Mạnh	CQ13DH0330	Tự động hoá K13	750	250	1000	Đạt
91	Nguyễn Trọng Nghĩa	CQ13DH0203	Tự động hoá K13	750	250	1000	Đạt
92	Nguyễn Danh Vọng	CQ13DH0404	Tự động hoá K13	735	250	985	Đạt
93	Nguyễn Kim Việt Hoàng	CQ13DH0235	Tự động hoá K13	750	250	1000	Đạt
94	Ngô Thanh Tú	CQ13DH0312	Tự động hoá K13	750	250	1000	Đạt
95	Bùi Văn Huy	CQ13DH0190	Tự động hoá K13	750	250	1000	Đạt
96	Bùi Thế Vinh	CQ13DH0244	Tự động hoá K13	750	250	1000	Đạt
97	Bùi Duy Đức	CQ13DH0219	Tự động hoá K13	750	250	1000	Đạt
98	Nguyễn Thị Hải Hà	CQ13DH0305	Tự động hoá K13	750	250	1000	Đạt
99	Lưu Mạnh Tuấn	CQ13DH0216	Tự động hoá K13	750	250	1000	Đạt
100	Trần Quốc Hùng	CQ13DH0188	Tự động hoá K13	750	250	1000	Đạt
101	Lương Khánh Linh	CQ13DH0319	Tự động hoá K13	735	250	985	Đạt

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp CN	Điểm BTH	Điểm CC	Tổng điểm	Kết quả
102	Cao Vũ Lâm	CQ13DH0423	Tự động hoá K13	750	250	1000	Đạt
103	Vũ Tuấn Anh	CQ13DH0204	Tự động hoá K13	705	250	955	Đạt
104	Chu Minh Tuấn	CQ13DH0218	Tự động hoá K13	735	250	985	Đạt
105	Trần Việt Anh	CQ13DH0198	Tự động hoá K13	750	250	1000	Đạt
106	Nguyễn Văn Lộc	CQ13DH0194	Tự động hoá K13	735	250	985	Đạt
107	Bùi Đức Hiếu	CQ13DH0224	Tự động hoá K13	420	250	670	Đạt
108	Phạm Tiến Dũng	CQ13DH0298	Tự động hoá K13	300	250	550	Đạt
109	Đinh Như Đức	CQ13DH0268	Kỹ thuật Điện K13	300	250	550	Đạt
110	Bế Tiến Huy	CQ13DH0248	Kỹ thuật Điện K13	645	250	895	Đạt
111	Đinh Xuân Tùng	CQ13DH0257	Kỹ thuật Điện K13	690	250	940	Đạt
112	Phạm Văn Hiếu	CQ13DH0178	Kỹ thuật Điện K13	720	250	970	Đạt
113	Phạm Thế Hùng	CQ13DH0240	Kỹ thuật Điện K13	540	250	790	Đạt
114	Senxay Phouthavongsa	LA13DH0018	Kỹ thuật Điện K13	405	250	655	Đạt
115	Sathaphone Mathipanya	LA13DH0005	Kỹ thuật Điện K13	300	250	550	Đạt
116	Phimmason Manivong	LA13DH0027	Kỹ thuật Điện K13	390	250	640	Đạt
117	Anosit Vannachone	LA13DH0009	Kỹ thuật Điện K13	750	250	1000	Đạt
118	Xaiyasith Xaiyaphone	LA13DH0001	Kỹ thuật Điện K13	225	250	475	Không Đạt
119	Đinh Việt Hưng	CQ13DH0389	Kỹ thuật Điện K13	375	250	625	Đạt
120	Nguyễn Ngọc Thân	CQ13DH0254	Kỹ thuật Điện K13	750	250	1000	Đạt
121	Chor Lao	LA13DH0023	Kỹ thuật Điện K13	675	250	925	Đạt
122	Bounchanh Salikathong	LA13DH0025	Kỹ thuật Điện K13	120	250	370	Không Đạt
123	Maipheng Lorphetxay	LA13DH0019	Kỹ thuật Điện K13	720	250	970	Đạt
124	Trần Bình Trọng	CQ13DH0246	Kỹ thuật Điện K13	690	250	940	Đạt
125	Vũ Đức Sơn	CQ13DH0394	Kỹ thuật Điện K13	750	250	1000	Đạt
126	Phạm Ngọc Sơn	CQ13DH0304	Tự động hoá K13	645	250	895	Đạt
127	Lý Văn Mạnh	CQ13DH0291	Kỹ thuật Điện K13	435	250	685	Đạt
128	Đỗ Đình Lương	CQ13DH0239	Kỹ thuật Điện K13	735	250	985	Đạt
129	Hà Nguyễn Thế Toàn	CQ13DH0431	Kỹ thuật Điện K13	570	250	820	Đạt
130	Trần Hùng Dũng	CQ13DH0263	Kỹ thuật Điện K13	750	250	1000	Đạt
131	Trịnh Ngọc Dũng	CQ13DH0186	Kỹ thuật Điện K13	750	250	1000	Đạt
132	Nguyễn Hồng Minh	CQ13DH0175	Kỹ thuật Điện K13	750	250	1000	Đạt
133	Nguyễn Quang Trường	CQ13DH0396	Kỹ thuật Điện K13	750	250	1000	Đạt
134	Vũ Huy Đức Long	CQ13DH0232	Kỹ thuật Điện K13	735	250	985	Đạt
135	Vũ Hoàng Trung Đức	CQ13DH0387	Kỹ thuật Điện K13	630	250	880	Đạt
136	Hoàng Long Quân	CQ13DH0299	Kỹ thuật Điện K13	735	250	985	Đạt
137	Đinh Công Thành	CQ13DH0285	Kỹ thuật Điện K13	735	250	985	Đạt
138	Hoàng Văn Trường	CQ13DH0252	Kỹ thuật Điện K13	750	250	1000	Đạt
139	Vongphachanh Thipphaxay	LA13DH0007	Kỹ thuật Điện K13	210	250	460	Không Đạt
140	Soulinthone Sivongsack	LA13DH0006	Kỹ thuật Điện K13	150	250	400	Không Đạt
141	Chimmy Pakayheuang	LA13DH0026	Kỹ thuật Điện K13	240	250	490	Không Đạt
142	Đỗ Khắc Hoàng	CQ13DH0295	Kỹ thuật Điện K13	705	250	955	Đạt
143	Hồ Vũ Quỳnh	CQ12DH0031	Kỹ thuật Điện K12	645	250	895	Đạt
144	Đào Mạc Đức	CQ12DH0023	Kỹ thuật Điện K12	720	250	970	Đạt
145	Đỗ Nguyên Giáp	CQ12DH0020	Kỹ thuật Điện K12	720	250	970	Đạt
146	Lê Văn Đạt	CQ12DH0152	Kỹ thuật Điện K12	675	250	925	Đạt
147	Tô Quảng Đức	CQ12DH0024	Kỹ thuật Điện K12	585	250	835	Đạt
148	Cao Tích Đức	CQ12DH0029	Kỹ thuật Điện K12	420	200	620	Đạt
149	Đinh Văn Thái	CQ12DH0032	Kỹ thuật Điện K12	405	250	655	Đạt
150	Vũ Cường Đồng	CQ12DH0025	Kỹ thuật Điện K12	510	250	760	Đạt
151	Xeme Senechonghak	LA12DH0007	Kỹ thuật Điện K12	750	250	1000	Đạt
152	Nguyễn Quang Vinh	CQ12DH0026	Kỹ thuật Điện K12	735	250	985	Đạt
153	Trần Nhật Công	CQ12DH0122	Kỹ thuật Điện K12	750	250	1000	Đạt
154	Visouk Xainyadetyar	LA12DH0009	Kỹ thuật Điện K12	750	250	1000	Đạt

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp CN	Điểm BTH	Điểm CC	Tổng điểm	Kết quả
155	Thanousack Vilaxay	LA12DH0010	Kỹ thuật Điện K12	750	250	1000	Đạt
156	Xinnavath Khamsing	LA12DH0008	Kỹ thuật Điện K12	570	250	820	Đạt
157	Phinethip Xayasone	LA12DH0003	Kỹ thuật Điện K12	750	250	1000	Đạt
158	Souliya Xuendavanh	LA12DH0006	Kỹ thuật Điện K12	750	250	1000	Đạt
159	Vilaphon Saryavoud	LA12DH0011	Kỹ thuật Điện K12	750	250	1000	Đạt
160	Nguyễn Tuấn Anh	CQ12DH0129	Công nghệ điện lạnh K12	750	250	1000	Đạt
161	Somsavanh Keovanxay	LA12DH0005	Kỹ thuật Điện K12	750	250	1000	Đạt
162	Maisao Yongsompheng	LA12DH0029	Kỹ thuật Điện K12	720	250	970	Đạt
163	Nguyễn Thanh Tùng	CQ12DH0003	Kỹ thuật Điện K12	435	250	685	Đạt
164	Khampheua Nammavong	LA12DH0031	Kỹ thuật Điện K12	750	250	1000	Đạt
165	Phạm Văn Hải	CQ12DH0132	Kỹ thuật Điện K12	180	250	430	Không Đạt
166	Phạm Thành Công	CQ12DH0028	Kỹ thuật Điện K12	405	250	655	Đạt
167	Nguyễn Việt Anh	CQ12DH0019	Kỹ thuật Điện K12	750	250	1000	Đạt
168	Phùng Tiến Công	CQ12DH0004	Công nghệ điện lạnh K12	585	250	835	Đạt
169	Nịnh Văn Hiếu	CQ12DH0001	Công nghệ điện lạnh K12	735	250	985	Đạt
170	Vương Minh Chiến	CQ12DH0006	Công nghệ điện lạnh K12	585	250	835	Đạt
171	Phạm Đức Nhật	CQ12DH0124	Công nghệ điện lạnh K12	510	250	760	Đạt
172	Lương Khánh Toàn	CQ12DH0114	Công nghệ điện lạnh K12	330	200	530	Đạt
173	Vũ Thế Hậu	CQ12DH0022	Kỹ thuật Điện K12	720	250	970	Đạt
174	Nguyễn Văn Thắng	CQ12DH0036	CN KTĐiện tử K12	405	250	655	Đạt
175	Lê Phúc Thành Đạt	CQ12DH0111	CN KTĐiện tử K12	405	250	655	Đạt
176	Bùi Ngọc Thạch	CQ12DH0084	CN KTĐiện tử K12	705	200	905	Đạt
177	Lê Thanh Bách	CQ13DH0231	Công nghệ điện lạnh K13	750	250	1000	Đạt
178	Tô Tiến Hiếu	CQ13DH0251	Công nghệ điện lạnh K13	705	250	955	Đạt
179	Lê Trọng Tú	CQ13DH0273	Công nghệ điện lạnh K13	750	250	1000	Đạt
180	Đặng Minh Hiếu	CQ13DH0058	Công nghệ điện lạnh K13	660	250	910	Đạt
181	Trần Việt Hoàng	CQ13DH0233	Công nghệ điện lạnh K13	750	250	1000	Đạt
182	Bùi Thượng Kiên	CQ11DH0062	Công nghệ điện lạnh K11	600	250	850	Đạt
183	Đỗ Duy Anh	CQ11DH0106	Công nghệ điện lạnh K11	750	250	1000	Đạt
184	Nguyễn Mạnh Hùng	CQ11DH0108	Công nghệ điện lạnh K11	750	250	1000	Đạt
185	Phạm Đức Quý	CQ11DH0060	Công nghệ điện lạnh K11	750	250	1000	Đạt
186	Lê Ngọc Hưng	CQ11DH0064	Công nghệ điện lạnh K11	750	250	1000	Đạt
187	Phạm Ngọc Giang	CQ11DH0061	Công nghệ điện lạnh K11	750	250	1000	Đạt
188	Nguyễn Văn Hải Ninh	CQ13DH0277	Cơ điện mô K13	570	250	820	Đạt
189	Nghiêm Hoàng Giang	CQ11DH0090	Tự động hoá K11	555	250	805	Đạt
190	Nguyễn Cảnh Toàn	CQ11DH0045	Tự động hoá K11	750	250	1000	Đạt
191	Nguyễn Mạnh Tùng	CQ11DH0111	Tự động hoá K11	705	250	955	Đạt
192	Bùi Mạnh Tuấn	CQ11DH0043	Tự động hoá K11	750	250	1000	Đạt
193	Đinh Trung Hiếu	CQ11DH0104	Tự động hoá K11	750	250	1000	Đạt
194	Hoàng Văn Long	CQ11DH0044	Tự động hoá K11	720	250	970	Đạt
195	Đinh Ngọc Khiêm	CQ11DH0105	Tự động hoá K11	615	250	865	Đạt
196	Vũ Minh Tuấn	CQ11DH0100	Tự động hoá K11	630	250	880	Đạt
197	Nguyễn Văn Sơn	CQ11DH0052	Tự động hoá K11	750	250	1000	Đạt
198	Trần Dương Long	CQ11DH0050	Tự động hoá K11	645	250	895	Đạt
199	Nguyễn Đức Hùng	CQ11DH0059	Tự động hoá K11	735	250	985	Đạt
200	Nguyễn Danh Bách	CQ11DH0057	TĐ Công trình K12	750	250	1000	Đạt
201	Trịnh Đức Đại	CQ12DH0038	Tự động hoá K12	750	250	1000	Đạt
202	Nguyễn Đức Thành	CQ12DH0050	Tự động hoá K12	720	250	970	Đạt
203	Lê Duy Điền	CQ12DH0143	Tự động hoá K12	750	250	1000	Đạt
204	Vũ Mạnh Cường	CQ12DH0040	Tự động hoá K12	735	250	985	Đạt
205	Vũ Quang Hưng	CQ12DH0057	Tự động hoá K12	735	250	985	Đạt
206	Đặng Minh Chiến	CQ12DH0117	Tự động hoá K12	750	250	1000	Đạt

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp CN	Điểm BTH	Điểm CC	Tổng điểm	Kết quả
207	Đặng Văn Hiếu	CQ12DH0052	Tự động hoá K12	750	250	1000	Đạt
208	Nguyễn Huy Hoàng	CQ12DH0042	Tự động hoá K12	735	250	985	Đạt
209	Nguyễn Minh Hiếu	CQ12DH0044	Tự động hoá K12	735	250	985	Đạt
210	Hà Ngọc Hiếu	CQ12DH0041	Tự động hoá K12	750	250	1000	Đạt
211	Bùi Xuân Khánh	CQ12DH0056	Tự động hoá K12	750	250	1000	Đạt
212	Phạm Thân Thương	CQ12DH0053	Tự động hoá K12	750	250	1000	Đạt
213	Phạm Công Minh	CQ12DH0154	Tự động hoá K12	690	250	940	Đạt
214	Nguyễn Tuấn Huy	CQ12DH0121	Tự động hoá K12	750	250	1000	Đạt
215	Đào Văn Chung	LTCQ13DH02	LT Tự động hoá K13	750	250	1000	Đạt
216	Trương Tuấn Kiệt	CQ12DH0034	Tự động hoá K12	750	250	1000	Đạt
217	Nguyễn Lê Hoàng	CQ12DH0054	Tự động hoá K12	735	250	985	Đạt
218	Phạm Ngọc Tuấn	CQ12DH0043	Tự động hoá K12	675	250	925	Đạt
219	Vũ Văn Sang	CQ12DH0139	Tự động hoá K12	735	250	985	Đạt
220	Trần Cao Thăng	CQ11DH0068	Kỹ thuật Điện K11	735	250	985	Đạt
221	Đặng Đình Việt	CQ11DH0107	Kỹ thuật Điện K11	465	250	715	Đạt
222	Trần Ngọc Đức	CQ11DH0037	Kỹ thuật Điện K11	570	250	820	Đạt
223	Bùi Đức Quyết	CQ11DH0078	Kỹ thuật Điện K11	540	250	790	Đạt
224	Nguyễn Tuấn Huy	CQ11DH0087	Kỹ thuật Điện K11	495	250	745	Đạt
225	Nguyễn Ngọc Quyền	CQ11DH0102	Kỹ thuật Điện K11	510	250	760	Đạt
226	Vũ Chí Thành	CQ11DH0076	Kỹ thuật Điện K11	735	250	985	Đạt
227	Vũ Tuấn Anh	CQ11DH0132	Kỹ thuật Điện K11	675	250	925	Đạt
228	Trần Thế Duy	CQ11DH0070	Kỹ thuật Điện K11	750	250	1000	Đạt
229	Phan Doãn Quang	CQ11DH0072	Kỹ thuật Điện K11	195	200	395	Không Đạt
230	Phạm Thanh Hải	CQ11DH0071	Kỹ thuật Điện K11	750	250	1000	Đạt
231	Vũ Văn Đức	CQ11DH0096	Kỹ thuật Điện K11	750	250	1000	Đạt
232	Lê Trung Hiếu	CQ11DH0133	Kỹ thuật Điện K11	735	250	985	Đạt
233	Hà Đình Phong	CQ11DH0075	Kỹ thuật Điện K11	750	250	1000	Đạt
234	Chu Văn Nam	CQ11DH0065	Kỹ thuật Điện K11	720	250	970	Đạt
235	Bùi Đức Khánh	CQ11DH0063	Kỹ thuật Điện K11	750	250	1000	Đạt
236	Vi Đăng Kiểm	CQ11DH0077	Kỹ thuật Điện K11	390	250	640	Đạt
237	Maieit Sengdeunthor	LA11DH0004	Kỹ thuật Điện K11	750	250	1000	Đạt
238	Phouthsavanh Thanavanh	LA11DH0010	Kỹ thuật Điện K11	750	250	1000	Đạt
239	Sipaseuth Chansavath	LA11DH0006	Kỹ thuật Điện K11	750	250	1000	Đạt
240	Phithack Phongsavath	LA11DH0005	Kỹ thuật Điện K11	750	250	1000	Đạt
241	Nguyễn Ngọc Hoàng Long	CQ11DH0054	Kỹ thuật Điện K11	750	250	1000	Đạt
242	Bùi Công Duy	CQ11DH0073	Kỹ thuật Điện K11	750	250	1000	Đạt
243	Anoulack Phonesavat	LA11DH0008	Kỹ thuật Điện K11	705	200	905	Đạt
244	Sitthikone Phomsy	LA11DH0007	Kỹ thuật Điện K11	750	250	1000	Đạt
245	Vanh say Phommassa	LA11DH0002	Kỹ thuật Điện K11	735	250	985	Đạt
246	Đoàn Minh Chiến	CQ11DH0056	Kỹ thuật Điện K11	705	250	955	Đạt
247	Nguyễn Xuân Hiếu	CQ11DH0055	Kỹ thuật Điện K11	750	250	1000	Đạt
248	Kor Thor	LA11DH0009	Kỹ thuật Điện K11	690	250	940	Đạt
249	Trần Đức Nam	CQ11DH0110	Kỹ thuật Điện K11	510	100	610	Đạt
250	Trần Hoàng Long	CQ11DH0089	Kỹ thuật Điện K11	750	250	1000	Đạt
251	Đoàn Minh Quang	CQ11DH0137	Kỹ thuật Điện K11	600	200	800	Đạt
252	Lã Minh Đức	CQ11DH0079	Kỹ thuật Điện K11	720	250	970	Đạt
253	Nguyễn Hồng Sơn	CQ11DH0117	Kỹ thuật Điện K11	750	250	1000	Đạt
254	Lê Xuân Khương	CQ11DH0025	QT Kinh doanh K11	600	250	850	Đạt
255	Phimmasone Khamphanpheng	LA11DH0022	QT Kinh doanh K11	150	250	400	Không Đạt
256	Đỗ Quốc Bình	CQ11DH0121	QT Kinh doanh K11	495	250	745	Đạt
257	Ninh Văn Nghĩa	CQ11DH0028	QT Kinh doanh K11	750	250	1000	Đạt
258	Manivanh Yotsavanh	LA11DH0021	QT Kinh doanh K11	750	250	1000	Đạt
259	Namfon Vongsonephet	LA12DH0015	QT Kinh doanh K12	180	250	430	Không Đạt

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp CN	Điểm BTH	Điểm CC	Tổng điểm	Kết quả
260	Soudalin Vilaisack	LA12DH0016	QT Kinh doanh K12	330	250	580	Đạt
261	Đàm Quang Rõng	CQ12DH0106	QT Kinh doanh K12	435	250	685	Đạt
262	Trần Khánh Duy	CQ12DH0059	QT Kinh doanh K12	615	250	865	Đạt
263	Vũ Huyền Trang	CQ12DH0116	QT Kinh doanh K12	585	250	835	Đạt
264	Đỗ Quốc Cường	CQ12DH0147	QT Kinh doanh K12	735	250	985	Đạt
265	Melamith Phommavong	LA12DH0014	QT Kinh doanh K12	735	250	985	Đạt
266	Nguyễn Xuân Hiếu	CQ12DH0101	QT Kinh doanh K12	615	250	865	Đạt
267	Nguyễn Thanh Thủy	CQ12DH0104	QT Kinh doanh K12	720	250	970	Đạt
268	Vũ Đức Phúc	CQ12DH0102	QT Kinh doanh K12	690	250	940	Đạt
269	Bùi Văn Tiến	CQ12DH0061	QT Kinh doanh K12	585	250	835	Đạt
270	Noukdavanh Khamnouan	LA13DH0021	QT Kinh doanh K13	315	250	565	Đạt
271	Nguyễn Huy Hoàng	CQ13DH0064	QT Kinh doanh K13	300	250	550	Đạt
272	Nguyễn Văn Đồng	CQ13DH0347	QT Kinh doanh K13	705	250	955	Đạt
273	Nguyễn Thị Thu Thảo	CQ13DH0103	QT Kinh doanh K13	630	250	880	Đạt
274	Dương Ngọc Thủy	CQ13DH0419	QT Kinh doanh K13	750	250	1000	Đạt
275	Nguyễn Thị Thu Hương	CQ13DH0125	QT Kinh doanh K13	690	250	940	Đạt
276	Trần Quang Hưng	CQ13DH0367	QT Kinh doanh K13	735	250	985	Đạt
277	Nguyễn Thái Sơn	CQ13DH0116	QT Kinh doanh K13	735	250	985	Đạt
278	Nguyễn Trường Giang	CQ13DH0463	QT Kinh doanh K13	570	250	820	Đạt
279	Lê Hải Yến	CQ13DH0126	QT Du lịch khách sạn K13	585	250	835	Đạt
280	Nguyễn Ngọc Hiếu	CQ13DH0110	QT Du lịch khách sạn K13	750	250	1000	Đạt
281	Phạm Thị Minh Nguyệt	CQ11DH0016	Kế toán K11	435	250	685	Đạt
282	Trần Thị Tứ Bình	CQ11DH0021	Kế toán K11	750	250	1000	Đạt
283	Phonesavanh zuenphanh	LA11DH0017	Kế toán K11	705	250	955	Đạt
284	Thân Thị Ngọc Anh	CQ11DH0098	Kế toán K11	735	250	985	Đạt
285	Phùng Nguyễn Thanh Bình	CQ11DH0008	Kế toán K11	750	250	1000	Đạt
286	Phạm Thanh Hương	CQ11DH0085	Kế toán K11	750	250	1000	Đạt
287	Trần Thị Phụng	CQ11DH0022	Kế toán K11	675	250	925	Đạt
288	Lương Hà Linh	CQ11DH0014	Kế toán K11	720	250	970	Đạt
289	Đoàn Thục Mai	CQ11DH0023	Kế toán K11	735	250	985	Đạt
290	Nguyễn Thanh Hương	CQ11DH0018	Kế toán K11	750	250	1000	Đạt
291	Bùi Thị Hồng Nhung	CQ11DH0019	Kế toán K11	750	250	1000	Đạt
292	Khanthong Sonelarmany	LA11DH0014	Kế toán K11	750	250	1000	Đạt
293	Khamlar Siphannhack	LA11DH0016	Kế toán K11	750	250	1000	Đạt
294	Nguyễn Thị My	CQ11DH0004	Kế toán K11	750	250	1000	Đạt
295	Nguyễn Thị Hồng Nhung	CQ11DH0017	Kế toán K11	735	250	985	Đạt
296	Phetmany Bounphavanh	LA11DH0015	Kế toán K11	750	250	1000	Đạt
297	Hoàng Thu Hà	CQ11DH0136	Kế toán K11	750	250	1000	Đạt
298	Trần Thị Thu Vân	CQ11DH0086	Kế toán K11	750	250	1000	Đạt
299	Phạm Thị Quỳnh Trang	CQ11DH0112	Kế toán K11	750	250	1000	Đạt
300	Phạm Thị Quỳnh	CQ11DH0003	Kế toán K11	510	250	760	Đạt
301	Lại Thị Ngọc Anh	CQ11DH0020	Kế toán K11	750	250	1000	Đạt
302	Lý Thị Hiền	CQ11DH0015	Kế toán K11	750	250	1000	Đạt
303	Ngô Tuấn Dương	CQ11DH0120	Kế toán K11	345	250	595	Đạt
304	Vũ Thị Hồng	CQ11DH0001	Kế toán K11	690	250	940	Đạt
305	Vũ Đăng Trọng	CQ11DH0091	Kế toán K11	750	250	1000	Đạt
306	Tạ Quân Hải	CQ11DH0092	Kế toán K11	750	250	1000	Đạt
307	Trịnh Hoàng Lương	CQ11DH0002	Kế toán K11	750	250	1000	Đạt
308	Nguyễn trung kiên	CQ11DH0012	Kế toán K11	405	250	655	Đạt
309	Hoàng Tiên Sinh	CQ11DH0005	Kế toán K11	225	250	475	Không Đạt
310	Vũ Thị Thiệp	LTCQ13DH06	ĐHLT Kế toán K13	510	250	760	Đạt
311	Nguyễn Lê Giang	LTCQ13DH03	ĐHLT Kế toán K13	750	250	1000	Đạt

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp CN	Điểm BTH	Điểm CC	Tổng điểm	Kết quả
312	Trần Thị Thùy	CQ13DH0131	Tài chính Ngân hàng K13	435	250	685	Đạt
313	Laion Souliyasack	LA13DH0022	Tài chính Ngân hàng K13	420	250	670	Đạt
314	Soudalath Daly	LA13DH0004	Tài chính Ngân hàng K13	315	250	565	Đạt
315	Bouavone Phanhabouasy	LA13DH0008	Tài chính Ngân hàng K13	300	250	550	Đạt
316	Trần Nhật Hoàng	CQ13DH0130	Tài chính Ngân hàng K13	645	250	895	Đạt
317	Chilaphan Mangala	LA13DH0003	Tài chính Ngân hàng K13	150	250	400	Không Đạt
318	Phonethida Douangmany	LA13DH0002	Tài chính Ngân hàng K13	210	250	460	Không Đạt
319	Lê Thị Trang Nhung	CQ12DH0115	Tài chính Ngân hàng K12	540	250	790	Đạt
320	Phạm Thị Thu Hà	CQ12DH0109	Tài chính Ngân hàng K12	750	250	1000	Đạt
321	Visouda Keokemchanh	LA12DH0022	Tài chính Ngân hàng K12	735	250	985	Đạt
322	Anouvong Kounlavouth	LA12DH0017	Tài chính Ngân hàng K12	240	250	490	Không Đạt
323	Pavina Souvanthong	LA12DH0020	Tài chính Ngân hàng K12	735	250	985	Đạt
324	Bounthala Shaykhamthone	LA12DH0021	Tài chính Ngân hàng K12	165	250	415	Không Đạt
325	Minthida Thilasack	LA12DH0019	Tài chính Ngân hàng K12	720	250	970	Đạt
326	Khamita Chanhasith	LA12DH0018	Tài chính Ngân hàng K12	360	250	610	Đạt
327	Somphavone Keosavat	LA12DH0023	Tài chính Ngân hàng K12	180	250	430	Không Đạt
328	Ketsana Laomouaxiong	LA11DH0027	Tài chính Ngân hàng K11	480	250	730	Đạt
329	Thipphakone Kongsanith	LA11DH0033	Tài chính Ngân hàng K11	750	250	1000	Đạt
330	Somsak Vanyalak	LA11DH0001	Tài chính Ngân hàng K11	750	250	1000	Đạt
331	Chanthala Moukkham	LA11DH0030	Tài chính Ngân hàng K11	225	250	475	Không Đạt
332	Sengdalay Phoutthasack	LA11DH0028	Tài chính Ngân hàng K11	720	250	970	Đạt
333	Inphone Keoudom	LA11DH0026	Tài chính Ngân hàng K11	735	250	985	Đạt
334	Khongsavath Chanthayout	LA11DH0025	Tài chính Ngân hàng K11	750	250	1000	Đạt
335	Đinh Thị Phương Thảo	CQ11DH0131	Tài chính Ngân hàng K11	750	250	1000	Đạt
336	Khaek Sonsouvanh	LA11DH0029	Tài chính Ngân hàng K11	330	250	580	Đạt
337	Phetsaboun Savaphai	LA11DH0032	Tài chính Ngân hàng K11	735	250	985	Đạt
338	Nguyễn Trọng Đạt	CQ11DH0099	Tài chính Ngân hàng K11	240	250	490	Không Đạt
339	Nitdavanh Sykamsai	LA11DH0023	Tài chính Ngân hàng K11	720	250	970	Đạt
340	Sinnaly Xayvungmeuang	LA11DH0024	Tài chính Ngân hàng K11	585	250	835	Đạt
341	Pathoumma Keopaseuth	LA11DH0031	Tài chính Ngân hàng K11	705	250	955	Đạt
342	Vũ Văn Duyệt	CQ11DH0027	Tài chính Ngân hàng K11	690	250	940	Đạt
343	Maita Seesompheng	LA13DH0011	Kế toán K13	315	250	565	Đạt
344	Vũ Thị Mỹ Ngọc	CQ13DH0360	Kế toán K13	540	250	790	Đạt
345	Đặng Văn Bình	CQ13DH0456	Kế toán K13	645	250	895	Đạt
346	Nguyễn Hoài Linh	CQ13DH0293	Kế toán K13	570	250	820	Đạt
347	Quách Thu Hiền	CQ13DH0019	Kế toán K13	630	250	880	Đạt
348	Kounda Meexai	LA13DH0012	Kế toán K13	300	250	550	Đạt
349	Nguyễn Thị Vân Anh	CQ13DH0016	Kế toán K13	705	250	955	Đạt
350	Cheuy Phonemaisee	LA13DH0010	Kế toán K13	375	250	625	Đạt
351	Cao Ngọc Ánh	CQ13DH0050	Kế toán K13	270	250	520	Đạt
352	Vũ Thị Kiều Trang	CQ13DH0040	Kế toán K13	750	250	1000	Đạt
353	Từ Thu Thương	CQ13DH0009	Kế toán K13	360	250	610	Đạt
354	Nguyễn Thị Bình	CQ13DH0035	Kế toán K13	750	250	1000	Đạt
355	Hoàng Hữu Phú	CQ13DH0006	Kế toán K13	720	250	970	Đạt
356	Vũ Trung Anh	CQ13DH0412	Kế toán K13	750	250	1000	Đạt
357	Nguyễn Đức Hoàng	CQ11DH0024	Kế toán K11	750	250	1000	Đạt
358	Đào Thu Trang	CQ13DH0342	Kế toán K13	735	250	985	Đạt
359	Giang Thị Khánh Linh	CQ13DH0063	Kế toán K13	495	200	695	Đạt
360	Nguyễn Thùy Linh	CQ13DH0005	Kế toán K13	360	250	610	Đạt
361	Vũ Ngọc Ánh	CQ13DH0054	Kế toán K13	615	250	865	Đạt
362	Nguyễn Ngọc Anh	CQ13DH0028	Kế toán K13	465	250	715	Đạt
363	Chung Thị Kiều Trang	CQ13DH0440	Kế toán K13	525	200	725	Đạt
364	Bùi Đình Như Quỳnh	CQ13DH0053	Kế toán K13	405	200	605	Đạt

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp CN	Điểm BTH	Điểm CC	Tổng điểm	Kết quả
365	La Hồng Dung	CQ13DH0147	Kế toán K13	630	250	880	Đạt
366	Đỗ Văn Phòng	CQ13DH0003	Kế toán K13	645	250	895	Đạt
367	Phùng Văn Đồng	CQ13DH0049	Kế toán K13	630	200	830	Đạt
368	Nguyễn Thị Thanh Lam	CQ13DH0362	Kế toán K13	420	250	670	Đạt
369	Nguyễn Linh Chi	CQ13DH0057	Kế toán K13	735	250	985	Đạt
370	Ninh Thị Tâm	CQ13DH0144	Kế toán K13	495	200	695	Đạt
371	Lê Thị Huyền Trang	CQ13DH0307	Kế toán K13	555	200	755	Đạt
372	Phạm Thị Thuý	CQ13DH0061	Kế toán K13	315	200	515	Đạt
373	Cao Thị Thuý Anh	CQ13DH0462	Tài chính ngân hàng K13	600	250	850	Đạt
374	Nguyễn Thị Kiều Oanh	CQ13DH0303	Kế toán K13	645	250	895	Đạt
375	Soulasack Inthaxay	LA13DH0013	Kế toán K13	690	250	940	Đạt
376	Ngô Thị Thu Huyền	CQ12DH0077	Kế toán K12	495	200	695	Đạt
377	Kim Phuong Ngân	CQ12DH0066	Kế toán K12	585	200	785	Đạt
378	Cao Thị Thu Hằng	CQ12DH0070	Kế toán K12	750	250	1000	Đạt
379	Trần Thị Mỹ Nhung	CQ12DH0062	Kế toán K12	630	250	880	Đạt
380	Nguyễn Thị Ngọc Ly	CQ12DH0113	Kế toán K12	720	250	970	Đạt
381	Đường Hương Thảo	CQ12DH0063	Kế toán K12	720	250	970	Đạt
382	Lê Thu Trang	CQ12DH0076	Kế toán K12	705	250	955	Đạt
383	Lê Thị Phương Thảo	CQ12DH0149	Kế toán K12	720	200	920	Đạt
384	Vũ Thị Huệ Anh	CQ12DH0072	Kế toán K12	705	250	955	Đạt
385	Nguyễn Thị Minh Tâm	CQ12DH0082	Kế toán K12	720	250	970	Đạt
386	Ứng Thị Phương Thảo	CQ12DH0078	Kế toán K12	315	250	565	Đạt
387	Đàm Thu Hương Giang	CQ12DH0081	Kế toán K12	705	250	955	Đạt
388	Phạm Hải Ninh	CQ12DH0069	Kế toán K12	285	200	485	Không Đạt
389	Phạm Thị Ngọc Anh	CQ12DH0068	Kế toán K12	390	200	590	Đạt
390	Đỗ Kim Anh	CQ12DH0150	Kế toán K12	555	200	755	Đạt
391	Nguyễn Minh Hòa	CQ12DH0135	Kế toán K12	510	250	760	Đạt
392	Phạm Thị Thu Hà	CQ12DH0144	Kế toán K12	510	250	760	Đạt
393	Hoàng Thị Ánh	CQ12DH0065	Kế toán K12	450	250	700	Đạt
394	Lưu Công Đại	CQ11DH0080	Kỹ thuật mô Hầm lò K11	0	250	250	Không Đạt
395	Nguyễn Thanh Tùng	CQ12DH0005	CNKCTT xây dựng hầm và cầu K12	0	250	250	Không Đạt
396	Nguyễn Tiến Thành	CQ12DH0085	KTM Hầm lò K12	0	250	250	Không Đạt
397	Bùi Văn Long	CQ12DH0148	KTM Hầm lò K12	0	250	250	Không Đạt
398	Đỗ Văn Hải	LTCQ13DH09	LT Kỹ thuật mô Hầm lò K13	0	250	250	Không Đạt
399	Nguyễn Văn Linh	LTCQ13DH08	LT Kỹ thuật mô Hầm lò K13	0	250	250	Không Đạt
400	Trần Văn Trọng	LTCQ13DH10	LT Kỹ thuật mô Hầm lò K13	0	250	250	Không Đạt
401	Đậu Hoàng Tú	LTCQ13DH11	LT Trắc địa công trình K13	0	250	250	Không Đạt
402	Nguyễn Danh Hùng	CQ12DH0146	TĐ Công trình K12	0	250	250	Không Đạt
403	Phạm Hải Nam	CQ13DH0436	KTM Hầm lò K13	0	250	250	Không Đạt
404	Nguyễn Văn Tùng	CQ13DH0185	KTM Hầm lò K13	0	250	250	Không Đạt
405	Somdeth Phanthavy	LA11DH0011	Kỹ thuật điện K11	0	250	250	Không Đạt
406	Anouluk Phonesouli	LA11DH0003	Kỹ thuật điện K11	0	200	200	Không Đạt
407	Tousong Thor	LA11DH0012	Kỹ thuật điện K11	0	250	250	Không Đạt
408	Phạm Tuấn Anh	CQ11DH0126	Kỹ thuật điện K11	0	150	150	Không Đạt
409	Trần Đình Khiêm	CQ11DH0067	Kỹ thuật điện K11	0	250	250	Không Đạt
410	Nguyễn Xuân Việt	CQ11DH0095	Kỹ thuật điện K11	0	250	250	Không Đạt
411	Lâm Văn Đào	LTCQ13DH01	LT Công nghệ kỹ thuật điện K13	0	100	100	Không Đạt
412	Bùi Thanh Hợp	CQ11DH0047	TĐ Công trình K12	0	250	250	Không Đạt
413	Hoàng Anh Quân	CQ11DH0051	TĐ Công trình K12	0	250	250	Không Đạt
414	Phan Văn Minh	CQ12DH0048	Tự động hoá K12	0	250	250	Không Đạt
415	Lê Đức Mạnh	CQ13DH0160	Công nghệ Cơ điện mô K13	0	250	250	Không Đạt
416	Trần Trọng Nghĩa	CQ13DH0327	Công nghệ Cơ điện mô K13	0	250	250	Không Đạt
417	Hoàng Đức Toàn	CQ13DH0279	Công nghệ Cơ điện mô K13	0	250	250	Không Đạt
418	Nguyễn Việt Hùng	CQ13DH0241	Công nghệ Điện lạnh K13	0	250	250	Không Đạt
419	Mạc Anh Dũng	CQ12DH0138	Kỹ thuật điện K12	0	250	250	Không Đạt
420	Đặng Thành Đạt	CQ12DH0033	Kỹ thuật điện K12	0	200	200	Không Đạt

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp CN	Điểm BTH	Điểm CC	Tổng điểm	Kết quả
421	Bùi Tổ Minh	CQ12DH0030	Kỹ thuật điện K12	0	200	200	Không Đạt
422	Khamphet Chanthapha	LA12DH0002	Kỹ thuật điện K12	0	250	250	Không Đạt
423	Anousone Inteum	LA12DH0004	Kỹ thuật điện K12	0	250	250	Không Đạt
424	Nguyễn Tuấn Anh	CQ12DH0037	CN kỹ thuật Điện tử K12	0	250	250	Không Đạt
425	Nguyễn Văn Đạt	CQ13DH0282	Kỹ thuật điện K13	0	250	250	Không Đạt
426	Cao Hoàng Mạnh	CQ13DH0265	Kỹ thuật điện K13	0	250	250	Không Đạt
427	Đỗ Hào Nam	CQ13DH0457	Kỹ thuật điện K13	0	250	250	Không Đạt
428	Mạc Hồng Quang	CQ13DH0276	Kỹ thuật điện K13	0	250	250	Không Đạt
429	Hoàng Đức Dự	CQ13DH0242	Tự động hoá K13	0	250	250	Không Đạt
430	Trần Tiến Đức	CQ13DH0422	Tự động hoá K13	0	250	250	Không Đạt
431	Nguyễn Chí Lâm	CQ13DH0168	Tự động hoá K13	0	250	250	Không Đạt
432	Đinh Thành Lập	CQ13DH0205	Tự động hoá K13	0	250	250	Không Đạt
433	Nguyễn Đức Minh	CQ13DH0206	Tự động hoá K13	0	250	250	Không Đạt
434	Bùi Hùng Quân	CQ13DH0441	Tự động hoá K13	0	250	250	Không Đạt
435	Nguyễn Minh Quân	CQ13DH0317	Tự động hoá K13	0	250	250	Không Đạt
436	Nguyễn Quyết Tiến	CQ13DH0339	Tự động hoá K13	0	250	250	Không Đạt
437	Nguyễn Anh Tuấn	CQ13DH0217	Tự động hoá K13	0	250	250	Không Đạt
438	Phùng Duy Cường	LTCQ13DH13	LTQT kinh doanh tổng hợp K13	0	250	250	Không Đạt
439	Nguyễn Thanh Tài	LTCQ13DH15	LTQT kinh doanh tổng hợp K13	0	250	250	Không Đạt
440	Trần Hoàng Hải	CQ12DH0126	QT Kinh doanh K12	0	250	250	Không Đạt
441	Nguyễn Văn Nghĩa	CQ12DH0107	QT Kinh doanh K12	0	250	250	Không Đạt
442	Phạm Thị Hải	CQ13DH0132	QT Du lịch khách sạn K13	0	250	250	Không Đạt
443	Đào Xuân Long	CQ13DH0420	QT Du lịch khách sạn K13	0	250	250	Không Đạt
444	Lê Thị Hoài Ngọc	CQ13DH0306	QT Du lịch khách sạn K13	0	200	200	Không Đạt
445	Nguyễn Thu Phương	CQ11DH0006	Kế toán K11	0	250	250	Không Đạt
446	Nguyễn Thị Lan	LTCQ13DH05	ĐHLT Kế toán K13	0	250	250	Không Đạt
447	Hoàng Thọ Tùng Sơn	CQ12DH0073	Kế toán K12	0	250	250	Không Đạt
448	Nguyễn Tuấn Anh	CQ13DH0438	Kế toán K13	0	150	150	Không Đạt
449	Nguyễn Thị Phương Chi	CQ11DH0030	KT Tuyển khoáng K11	0	250	250	Không Đạt
450	Trần Anh Khoa	CQ11DH0031	KT Tuyển khoáng K11	0	200	200	Không Đạt
451	Hòa Ngọc Đại	CQ12DH0105	Ô tô K12	0	250	250	Không Đạt
452	Trần Minh Đức	CQ12DH0018	Ô tô K12	0	250	250	Không Đạt
453	Đào Ngọc Nam	CQ12DH0046	Ô tô K12	0	250	250	Không Đạt
454	Cao Thế Trung	CQ12DH0009	Ô tô K12	0	200	200	Không Đạt
455	Hoàng Đức Trung	CQ12DH0015	Ô tô K12	0	200	200	Không Đạt
456	Phạm Tiến Tuyến	LTCQ13DH12	LTKT Tuyển khoáng K13	0	250	250	Không Đạt
457	Nguyễn Tuấn Anh	CQ13DH0329	Ô tô K13	0	250	250	Không Đạt
458	Nguyễn Văn Bách	CQ13DH0310	Ô tô K13	0	250	250	Không Đạt
459	Võ Vinh Giang	CQ13DH0432	Ô tô K13	0	250	250	Không Đạt
460	Nguyễn Tuấn Hiền	CQ13DH0181	Ô tô K13	0	250	250	Không Đạt
461	Nguyễn Văn Kiên	CQ13DH0182	Ô tô K13	0	250	250	Không Đạt
462	Trần Gia Phong	CQ13DH0271	Ô tô K13	0	250	250	Không Đạt
463	Phạm Duy Thắng	CQ13DH0183	Ô tô K13	0	250	250	Không Đạt
464	Phouvone Vilaphone	LA13DH0016	Ô tô K13	0	250	250	Không Đạt
465	Vũ Minh Đức	CQ13DH0442	Cơ điện Tuyển khoáng K13	0	250	250	Không Đạt
466	Nguyễn Minh Thắng	CQ13DH0267	Cơ điện Tuyển khoáng K13	0	250	250	Không Đạt
467	Đỗ Hoàng Việt	CQ13DH0322	Cơ điện Tuyển khoáng K13	0	250	250	Không Đạt
468	Vũ Đình Hải	CQ12DH0060	CN phần mềm K12	0	200	200	Không Đạt

Ne